| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 08-8-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nông Bế Chiến
*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Như
Bà Doanh Thị Mây

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:*** Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Văn A – sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Đinh Thị B – sinh năm 1988

Nơi cư trú: G, xã H, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đoàn Thị C – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng
(Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đinh Thị B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đinh Văn A trình bày: anh A và chị B kết hôn năm 2013, kết hôn tự nguyện, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Hai anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng ngày 24/12/2013. Sau khi kết hôn anh A và chị B chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng hay cãi nhau do anh A đi làm xa, vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống sinh hoạt hàng ngày. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm chí xảy ra xô xát. Đến năm 2019, mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân. Từ khi ly thân hai anh chị không liên lạc, đi lại thăm nom chăm sóc nhau, thỉnh thoảng anh A chỉ điện thoại hỏi thăm con, chị B không đến thăm anh A và gia đình chồng. Sau khi kết hôn anh A sống ở bên nhà ngoại ở H, từ khi ly thân anh A về quê ở Tràng Định, Lạng Sơn sinh sống. Sau thời gian chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, không còn tình cảm với nhau nữa, gia đình đã khuyên giải nhưng anh A xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh A và chị B có 01 (một) con chung, con chung tên là Đinh Thị Như Quỳnh - sinh ngày 01/01/2014, giới tính: Nữ. Khi ly hôn anh A đề nghị chị B là người trực tiếp nuôi con, anh sẽ cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/tháng đến khi con thành niên. Hai anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị B trình bày: Chị B và anh A đăng ký kết hôn ngày 24/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau thậm chí đã xảy ra xô xát, anh A bỏ đi không quay về cùng vợ con nữa nên vợ chồng không có cơ hội nói chuyện với nhau để hàn gắn hòa giải. Từ khi mâu thuẫn hai anh chị chưa nhờ cơ quan, đoàn thể, địa phương hòa giải. Vì anh A không cho gặp nên chị B cũng không gọi điện cũng trực tiếp đến gặp anh A. Chị B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến trầm trọng, vẫn còn khả năng khắc phục và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: chị B xác nhận có 01 (một) con chung, con chung tên là Đinh Thị Như Quỳnh – sinh ngày 01/01/2014, giới tính: Nữ. Trường hợp ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên và yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con 3.000.000đ/tháng. Tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại xóm G, xã H cho thấy: anh A và chị B có thời gian cùng sinh sống tại xóm G. Nhưng do điều kiện công việc của anh A nên thứ bảy chủ nhật anh A mới về nhưng không phải tuần nào cũng về. Khoảng mấy năm gần đây không thấy anh A về xóm G nữa. Tại địa phương chưa nhận được thông tin về việc anh A và chị B xảy ra mâu thuẫn nên chưa tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, anh A trình bày: từ khi ly thân giữa hai anh chị không còn liên lạc với nhau, từ khi anh nộp đơn ly hôn chị B cũng không có động thái gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh và chị B đã ly thân từ năm 2019 thời gian đó đủ để suy nghĩ và giải quyết được mâu thuẫn. Nhưng đến bây giờ vẫn không thể giải quyết được nên anh A mới nộp đơn lên tòa yêu cầu giải quyết xin ly hôn. Từ khi hòa giải lần thứ hai (ngày 28/02/2023) đến nay cũng đã gần hai tháng nhưng hai anh chị vẫn không liên lạc với nhau, mâu thuẫn không giải quyết được. Vì vậy, anh giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về cấp dưỡng cho con, anh A đề nghị cấp dưỡng cho con 2.600.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2023.

Tại phiên tòa, chị B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng vẫn còn khả năng khắc phục nên không đồng ý ly hôn. Chị B cho rằng chi phí để nuôi dưỡng cháu Quỳnh khoảng 4.000.000đ/tháng. Hiện nay chị làm nông nghiệp nên không xác định được chính xác thu nhập. Trường hợp ly hôn chị B yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con 4.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2023 cho đến khi con thành niên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh A ghen tuông nghi ngờ chị B không chung thủy, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã sau đó ly thân. Anh A cho rằng chị B không quan tâm đến anh, không còn tình cảm nhưng anh A không cho chị B cơ hội để gặp gỡ hàn gắn tình cảm. Chị B cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, còn có khả năng đoàn tụ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của chị B. Con chung của anh chị cũng mong muốn bố mẹ đoàn tụ. Trường hợp ly hôn, đề nghị chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị B, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị B làm nông nghiệp thu nhập không ổn định nhưng có chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn A đối với chị Đinh Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Thị Như Quỳnh – sinh ngày 01/01/2014, giới tính: Nữ cho chị Đinh Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Đinh Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng 2.600.000đ/tháng (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*). Thời điểm cấp dưỡng: từ tháng 4/2023 đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự cùng xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các Đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/5/2023 bị đơn Đinh Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 25-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Bị đơn Đinh Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tôi không muốn ly hôn với chồng tôi, mong Tòa án phúc thẩm cho gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu HĐXX phúc thẩm cho ly hôn thì đề nghị tăng mức cấp dưỡng lên 4 triệu/tháng.

Nguyên đơn Đinh Văn Hữu không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đinh Thị B, nhất trí  với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị đơn Đinh Thị B không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ

luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn, nộp trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Đinh Thị B

Yêu cầu kháng cáo: Chị B đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm về việc ly hôn. Chị B cho rằng mình vẫn còn có tình cảm với anh Hữu, do vậy đề nghị Tòa án cho hai bên đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh A và chị B cũng xác nhận: sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó nảy sinh mâu thuẫn và ly thân vào cuối năm 2019, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã thậm chí đã xảy ra xô xát từ đó dẫn đến ly thân. Từ khi ly thân, hai anh chị không còn liên lạc với nhau, không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án sơ thẩm đã cho các bên đương sự thời gian cũng như cơ hội để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng giữa hai bên không tìm được tiếng nói chung. HĐXX phúc thẩm xét thấy: mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra từ năm 2019 đến nay cũng là khoảng thời gian đủ dài để các bên đương sự nhận thức rõ về tình trạng hôn nhân của mình và có giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm cho anh Hữu Chị B ly hôn với nhau là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân gia đình. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị B kháng cáo không nhất trí ly hôn, tuy nhiên Bản thân chị không chủ động liên lạc và có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tại phiên tòa phúc thẩm anh Hữu vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ngoài ra yêu cầu tăng mức cấp dưỡng đối với anh Hữu lên 4.000.000đ/tháng của chị B cũng không có căn cứ để chấp nhận, vì nếu chấp nhận tăng mức cấp

dưỡng thì không đảm bảo mức sống của anh Hữu trên cơ sở mức lương anh Hữu được hưởng. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đinh Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử**

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Chị Đinh Thị B. Giữ nguyên quyết định của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

Chị Đinh Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận chị B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001035 ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện Thạch An;
- TAND huyện Thạch An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Bế Chiến**